

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 16/5/2022

“V/v Yêu cầu chia tài sản
chung sau ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- THnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu T

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hải M, bà Trần Thị Mỹ H

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 16/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 36/2021/TLPT-HNGĐ ngày 17/11/2021 về việc “Yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn”. Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXPT-HNGĐ ngày 12/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: xóm Phúc Long, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị H: Luật sư Đinh Thị S – Công tác tại Văn phòng luật sư THnh Điệp và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An; có mặt.

Bị đơn: Anh Ngô Văn M, sinh năm 1986; địa chỉ: xóm Phúc Long, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Ngô Thanh H, sinh năm 1943; địa chỉ: xóm Phúc Long, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

- Bà Cao Thị T, sinh năm 1949. Địa chỉ: xóm Phúc Long, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

* Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Ngô Văn M trước đây là vợ chồng nhưng hiện nay đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 53/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Quyết định số 53 nêu trên chỉ giải quyết về phần quan hệ hôn nhân và phần con cái, không giải quyết về phần tài sản vì giữa chị và anh M đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung tại Văn phòng công chứng Hưng Nguyên vào ngày 02/6/2020. Tuy nhiên, giữa chị và anh M còn có một phần tài sản chung chưa thỏa thuận phân chia đó là số tiền 184.530.600 đồng. Đây là tiền mà Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Hưng Nguyên đền bù do thu hồi 961,2m² diện tích 02 thửa đất nông nghiệp là tài sản chung giữa chị và anh M, đó là thửa 425 và 428 tại xóm Nam Phúc Long (nay là xóm Phúc Long), xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Diện tích đất này đã được thu hồi, bồi thường theo Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND huyện Hưng Nguyên về việc phê duyệt dự án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi nH nước thu hồi đất thực hiện dự án khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ Visip Nghệ An giai đoạn 2B đợt 1 tại xóm Nam Phúc Long, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Tại các tài liệu này đều thể hiện số nhân khẩu là 04 người gồm hai vợ chồng và hai con chung đã được đền bù với số tiền tương đương là 184.530.600 đồng. Anh M là người trực tiếp nhận tiền và hiện đang quản lý số tiền này. Nguồn gốc của 02 thửa đất nông nghiệp này là của bố mẹ anh M (Ông Ngô Thanh H và bà Cao Thị T) đã tặng cho chị và anh M. Do giữa hai người không thỏa thuận được nên chị yêu cầu Tòa án buộc anh M chia cho chị số tiền đền bù là 70.000.000 đồng.

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Ngô Văn M trình bày:* Lời trình bày của chị H về việc nội dung ly hôn, tự thỏa thuận phân chia tài sản là đúng. Nay chị H yêu cầu anh phải trả cho chị số tiền 70.000.000 đồng (Tiền bồi thường đất nông nghiệp đối với 02 thửa đất số 425 và 428 tại xóm Nam Phúc Long, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An) anh không đồng ý và xin trình bày như sau: Đối với 02 thửa đất nông nghiệp số 425 và 428 tại xóm Nam Phúc Long, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An là của bố mẹ anh (ông Ngô Thanh H và bà Cao Thị Tù). Đây không phải là tài sản chung giữa anh và chị H nên không thể phân chia. Giữa anh và chị H đã ly hôn theo quyết định của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Về tài sản hai bên đã tự thỏa thuận phân chia tại phòng công chứng huyện Hưng Nguyên lập ngày 02/6/2020. Việc phân chia tài sản chung đã xong và 02 bên đã tiến hành giao nhận tài sản, làm thủ tục đề nghị cấp bìa và cả hai đều đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh thừa nhận anh và ông Ngô Thanh H

có trực tiếp đi nhận số tiền 184.530.600 đồng do Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Hưng Nguyên chi trả. Đây là tiền bồi thường do thu hồi 02 thửa đất nông nghiệp của bố mẹ anh (Thửa 425 và thửa 428). Anh chỉ là người đi cùng và nhận cho bố mẹ anh. Sau khi nhận, anh đã giao số tiền này cho bố mẹ anh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Thanh H và bà Cao Thị T trình bày:* Năm 1996, gia đình ông bà được NH nước cấp bìa đối với diện tích đất nông nghiệp gần 1.800m² đối với 05 thửa đất nông nghiệp cho 04 khẩu. Năm 2002, thực hiện chủ trương chuyển đổi đất nông nghiệp, hộ gia đình ông, bà được giao hơn 2.300m² đất nông nghiệp gồm 05 thửa đất trong đó có thửa 425 và 428 tại xóm Nam Phúc Long, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An cho 04 nhân khẩu gồm: ông H, bà T và hai con đẻ của ông bà là anh Ngô Văn M và anh Ngô Thanh Hùng. Sau khi giao đất nông nghiệp đến ngày 16/01/2002 (ÂL) anh Hùng chết. Mặc dù anh Hùng chết nhưng đất nông nghiệp được giao cho gia đình ông bà vẫn ổn định và vẫn không bị thu hồi. Đến tháng 10/2008, anh M kết hôn với chị Nguyễn Thị H. Sau khi kết hôn do vợ chồng anh M ăn riêng nên ông bà thống nhất cho anh M, chị H mượn diện tích đất nông nghiệp của 02 thửa (Thửa 425 có diện tích 323,4m², Thửa 428 có diện tích 637,8m²) tại xóm Nam Phúc Long, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An để canh tác. Đến năm 2019, khi NH nước thu hồi đất nông nghiệp để xây dựng thực hiện dự án Vsip ông bà đã đòi lại 02 thửa đất nông nghiệp nêu trên. Tuy nhiên, khi cán bộ về đo đạc 02 thửa đất nói trên do khi đó ông Ngô Thanh H đang bị ốm nên vợ chồng bà thống nhất để anh Ngô Văn M đi cùng cán bộ xuống thực địa và bảo anh M đứng ra kê khai cho gia đình ông bà để nhận tiền bồi thường. Vì lý do đó nên hồ sơ bồi thường đều do anh M kê khai. Nhưng khi đi nhận tiền bồi thường thì cả ông H và anh M đều trực tiếp đi nhận. Gia đình ông bà được Hội đồng giải phóng mặt bằng UBND huyện Hưng Nguyên chi trả số tiền đền bù đất nông nghiệp 02 thửa đất nói trên với tổng số tiền đền bù là: 184.530.600 đồng. Việc đền bù được chi trả làm 02 đợt. Đợt 1 gia đình ông bà được đền bù số tiền 72.596.700 đồng; Đợt 2 gia đình ông, bà được đền bù số tiền 111.933.900 đồng. Cả 02 lần nhận tiền ông H và anh Ngô Văn M trực tiếp đi nhận. Đợt 1 anh M ký vào phiếu chi tiền; đợt 2 cả anh M và ông H đều ký vào phiếu chi tiền. Nay chị H yêu cầu anh M phải trích chia cho chị H số tiền 70.000.000 đồng (Trong tổng số tiền bồi thường là 184.530.600 đồng) ông bà không đồng ý. Bởi vì: Hai thửa đất nông nghiệp nêu trên là của vợ chồng ông bà. Ông bà chỉ cho anh M, chị H mượn đất để canh tác, không tặng cho, không chuyển nhượng. Vì vậy, số tiền 184.530.600 đồng mà ông, bà được Hội đồng giải phóng mặt bằng UBND huyện Hưng Nguyên bồi thường là tài sản của ông, bà. Đây không phải là tài sản chung của anh M và chị H nên không được phép chia. Tuy nhiên, trong tổng số tiền bồi thường trên có 4.325.400 đồng là tiền bồi thường hoa màu. Do anh M và chị H canh tác trên đất của ông bà cho mượn nên

ông bà đồng ý trích lại cho chị H 50% của số tiền 4.325.400 đồng tức 2.162.700 đồng.

Với nội dung trên, Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điều 147, khoản 1 Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; điều 164, 688, 689, 692 Bộ luật dân sự năm 2005; điều 5, điều 74, điều 75, điều 77, điều 131, điều 188 Luật Đất đai năm 2013, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc anh Ngô Văn M phải trích chia cho chị Nguyễn Thị H số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), tiền bồi thường do thu hồi đất nông nghiệp đối với 02 thửa đất nông nghiệp số 425 và 429 tại xóm Nam Phúc Long (nay là xóm Phúc Long), xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Thanh H và bà Cao Thị T trích lại cho chị Nguyễn Thị H tiền đền bù hoa màu là 2.162.700 đồng. Chị Nguyễn Thị H được nhận số tiền 2.162.700 đồng do ông Ngô Thanh H và bà Cao Thị T giao lại.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án, thời hiệu thi Hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An với lý do:

- Năm 2008, vợ chồng kết hôn được ông H, bà T cho ở riêng và chia cho vợ chồng thửa đất nông nghiệp số 425 và 428 của gia đình. Nay vợ chồng ly hôn thì anh M và ông H, bà T cho rằng chỉ cho mượn và do sức khỏe nên nhờ anh M kê khai đề nghị bồi thường hộ là không đúng.

- Theo Phương án bồi thường thì việc bồi thường đất nông nghiệp được tính cho các mục: Giá đất nông nghiệp 54.788.400 đồng, hoa màu 4.325.400 đồng, chuyển đổi nghề nghiệp 109.576.800 đồng, ổn định đời sống 15.840.000 đồng. Trong đó khoản hoa màu bồi thường cho người đang sản xuất là vợ chồng chị nhưng Tòa án xác định là của ông H, bà T và cho rằng họ tự nguyện trích lại cho chị H một phần là không đúng. Khoản tiền chuyển đổi nghề nghiệp 109.576.800 đồng được hỗ trợ cho những nhân khẩu đang sản xuất trong hộ gia đình kể cả các nhân khẩu phát sinh sau thời kỳ giao đất nông nghiệp và khoản tiền ổn định đời sống 15.840.000 đồng là được NH nước hỗ trợ cho 04 nhân khẩu trong gia đình chị gồm 2 vợ chồng và 2 con nhưng Tòa cho rằng chỉ ông H, bà T được hưởng là không đúng. Trong khi đó ông H bà T đã được NH nước hỗ trợ khoản này là 7.920.000 đồng.

- Nguyên đơn đã sản xuất sử dụng 2 thửa đất này hơn 10 năm nhưng tòa không xem xét công sức là không đúng.

Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, xét xử theo hướng sửa án sơ thẩm, buộc bị đơn phải trích chia cho nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng tiền bồi thường do nH nước thu hồi đất nông nghiệp đối với 02 thửa đất nông nghiệp số 425 và 428 tại xóm Nam Phúc Long (nay là xóm Phúc Long), xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án có cơ sở xác định thửa đất số 425 và thửa đất số 428 được cơ quan có thẩm quyền cấp cho hộ gia đình ông H (gồm ông H, bà T và anh M) vào năm 2002 theo Chỉ thị số 02. Nguyên đơn cho rằng năm 2008, ông H, bà T đã chia cho vợ chồng anh M, chị H 02 thửa đất trên nhưng anh M, ông H, bà T không thừa nhận nội dung này, nguyên đơn cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh ông H, bà T thống nhất chuyển nhượng, tặng cho chị H, anh M 02 thửa đất nêu trên nên cấp sơ thẩm xác định 02 thửa đất nông nghiệp này không phải là tài sản chung của vợ chồng chị H, anh M là đúng. Tại thời điểm thu hồi đất thì chị H và anh M đang trực tiếp canh tác tại 02 thửa đất nông nghiệp bị thu hồi nêu trên nên hoa màu bị thu hồi là tài sản chung của anh M, chị H, do đó cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của ông H, bà T về việc trích lại cho chị H số tiền đền bù hoa màu 2.162.700 đồng là có cơ sở và đã đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Về số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tiền hỗ trợ ổn định đời sống, hồ sơ đền bù giải phóng mặt bằng thể hiện cơ quan có thẩm quyền đã đền bù chi phí chuyển đổi nghề nghiệp số tiền 109.576.800 đồng và chi phí ổn định đời sống số tiền 15.840.000 đồng đối với thửa đất số 425, 428, theo xác minh của cấp phúc thẩm thì số tiền này được hỗ trợ cho chủ sử dụng đất chứ không hỗ trợ cho người trực tiếp canh tác nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có cơ sở. Về trích công sức: Anh M và chị H đã sử dụng thửa đất 425, 428 từ năm 2008 đến khi nH nước thu hồi đất năm 2019; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ công sức tôn tạo, quản lý 02 thửa đất nêu trên để buộc chủ sử dụng đất phải trích công sức tôn tạo, bảo quản đất cho chị H là không chính xác, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Ngô Văn M và những người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan ông Ngô Thanh H, bà Cao Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Chị Nguyễn Thị H cho rằng 02 thửa đất nông nghiệp số 425 và 428 tại xóm Nam Phúc Long (nay là xóm Phúc Long), xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An là của ông Ngô Thanh H và bà Cao Thị T tặng cho chị và anh M: Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện thửa đất nông nghiệp số 425 và 428 được NH nước giao theo Nghị định 64, đã được chuyển đổi theo Chỉ thị 02 năm 2001, giao cho 04 nhân khẩu là ông Ngô Văn H, bà Cao Thị T và hai con của ông H, bà T là anh Ngô Văn M và anh Ngô Văn Hùng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H cho rằng năm 2008, ông H, bà T đã chia cho vợ chồng anh M, chị H 02 thửa đất trên nhưng anh M, ông H, bà T không thừa nhận, chị H không có tài liệu chứng cứ chứng minh về việc ông H, bà T cho vợ chồng 02 thửa đất nói trên. Tại thời điểm thu hồi đất giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An (Khu đô thị, giai đoạn 2B, đợt 1) tại xóm Nam Phúc Long, Bắc Phúc Long, Nam Phúc Hòa, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, do anh M là một trong bốn nhân khẩu được giao đất và được UBND xã Hưng Tây xác định nguồn gốc, chủ sử dụng đất nên anh M được đại diện cho hộ gia đình tiến hành kê khai và được bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là phù hợp với danh sách xét duyệt nguồn gốc các thửa đất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi dự án VSIP thể hiện hai thửa 425 và 428 quy chủ là của ông Ngô Thanh Hoá. Không phải anh M đứng ra kê khai thì đó là tài sản chung của vợ chồng. Trong hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi NH nước thu hồi đất để thực hiện dự án không có giấy tờ, tài liệu về việc ông Ngô Thanh H và bà Cao Thị T cho anh Ngô Văn M và chị Nguyễn Thị H thửa đất nông nghiệp số 425 và 428. Theo kết quả xác minh ngày 20/01/2022 tại UBND xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên thì đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64, quá trình sử dụng đất nếu hộ gia đình có phát sinh thêm nhân khẩu thì số nhân khẩu phát sinh sau thời điểm hộ gia đình được giao đất cũng không được giao thêm đất và nhân khẩu chết đi cũng không bị thu hồi đất. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 425 và 428 không phải là tài sản chung của chị H, anh M là có căn cứ.

[2] Về yêu cầu của chị H buộc anh M chia cho chị số tiền bồi thường là 70.000.000 đồng trong số tiền được bồi thường là 184.530.600 đồng khi thu hồi hai thửa đất nông nghiệp số 425 và 428. Thấy rằng: Theo biên bản xác minh ngày 24/02/2022 của Tòa án cấp phúc thẩm thì đối tượng được bồi thường về đất là hộ gia đình, cá nhân được giao đất theo Nghị định số 64/CP quy định tại Điều 75 Luật đất đai năm 2013; đối tượng được bồi thường tiền hoa màu là người trực tiếp sản xuất, canh tác quy định tại Điều 88 của Luật Đất đai năm 2013; đối tượng được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là người có đất bị thu hồi quy định tại Điều

20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và Điều 23 Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh Nghệ An; đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống là người được NH nước giao đất nông nghiệp và nhân khẩu nông nghiệp phát sinh trong hộ gia đình được NH nước giao đất nông nghiệp sau thời điểm giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và Điều 23 Quyết định 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh Nghệ An. Cụ thể đối với thửa đất nông nghiệp số 425 và 428: số tiền bồi thường về đất (54.788.400 đồng) được bồi thường cho ông H, bà T, anh M và anh Hùng; số tiền bồi thường hoa màu (4.325.400 đồng) được bồi thường cho người trực tiếp sản xuất, canh tác; số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (109.576.800 đồng) được hỗ trợ cho ông H, bà T, anh M và anh Hùng; số tiền hỗ trợ ổn định đời sống (15.840.000 đồng) được hỗ trợ cho vợ chồng anh M, chị H và 02 người con của anh M. Vì vậy, chị H cho rằng, quá trình thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp cho gia đình, thời điểm đó chị H và anh M là những người đang sản xuất trên đất thì các khoản tiền bồi thường hoa màu; bồi thường về đất; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là khoản tiền hỗ trợ cho những nhân khẩu đang sản xuất trong hộ gia đình kể cả các nhân khẩu phát sinh sau thời kỳ giao đất nông nghiệp, tiền hỗ trợ ổn định đời sống đều là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu chia là chưa chính xác, mà chỉ có khoản tiền hoa màu 4.325.400 đồng và khoản tiền ổn định đời sống 15.840.000 đồng là của vợ chồng.

[3] Về số tiền bồi thường hoa màu 4.325.400 đồng: Quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà T tự nguyện trích trả 1/2 giá trị tiền hoa màu cho chị H. Bản án sơ thẩm nhận định do tại thời điểm thu hồi đất thì chị H và anh M đang trực tiếp canh tác tại 02 thửa đất nông nghiệp bị thu hồi nêu trên nên hoa màu bị thiệt hại là tài sản chung của anh M, chị H và ghi nhận sự tự nguyện của ông H, bà T về việc trích lại cho chị H số tiền bồi thường hoa màu 2.162.700 đồng là có cơ sở và đã đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị H.

[4] Theo kết quả xác minh thì số tiền hỗ trợ ổn định đời sống (15.840.000 đồng) được hỗ trợ cho vợ chồng anh M, chị H và 02 người con của anh M, chị H. Do số tiền hỗ trợ ổn định đời sống là được hỗ trợ cho vợ chồng anh M, chị H và 02 người con chung. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 53/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên đã giao con chung Ngô Tuấn Tiếp, sinh ngày 23/9/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Ngô Thị Quỳnh Giao, sinh ngày 05/12/2009 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Cho nên số tiền hỗ trợ ổn định đời sống chia đôi cho hai bên là phù hợp. Cụ thể, mỗi người là 7.920.000 đồng. Cần chấp nhận kháng cáo của chị H để sửa án sơ thẩm. Trong lời khai của anh M có tại hồ sơ vụ án thể hiện các khoản tiền bồi thường (trong đó có số tiền hỗ trợ ổn định đời sống) hiện nay do ông H bà Tuý giữ, tuy nhiên hai biên lai nhận tiền thể

hiện người nhận tiền là anh M, một biên lai thể hiện cả anh M và ông Hoá nhận tiền. Tại phiên toà phúc thẩm ông Hoá, bà Tuý và anh M đều vắng mặt. Căn cứ vào hai biên lai này thì cần buộc anh M phải giao lại cho hai mẹ con chị H khoản tiền này là có căn cứ.

[5] Chị H và anh M là người đã sử dụng thửa đất số 425, 428 từ năm 2008 đến năm 2019. Chị H cho rằng chị đã sản xuất sử dụng 02 thửa đất hơn 10 năm nhưng tòa không xem xét công sức là không đúng. Tại phiên toà phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề xuất Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ công sức tôn tạo, quản lý 02 thửa đất nêu trên để buộc chủ sử dụng đất phải trích công sức tôn tạo, bảo quản đất cho chị H là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị H. Xét thấy, hai thửa đất nông nghiệp số 425, 428 là tư liệu sản xuất, đã được thu hồi và bồi thường xong theo quy định. Trong đó đã xác định rõ từng khoản được bồi thường; từ năm 2008 đến 2019 chị H, anh M sản xuất và hưởng toàn bộ sản phẩm từ việc canh tác trên đất, không phải nộp bất kỳ khoản tiền nào cho chủ sử dụng đất. Hiện nay đất đã thu hồi, chủ sử dụng đất cũng không còn đất để sử dụng nữa. Quá trình thu hồi đã bồi thường tiền hoa màu và một khoản tiền ổn định đời sống 15.840.000 đồng cho chị H và Anh M là người đang trực tiếp sử dụng đất. Không có khoản tiền nào thể hiện bồi thường cho người sử dụng đất đã cải tạo, làm tăng độ màu mỡ của đất... Vì vậy cấp sơ thẩm không xem xét trích công sức cho chị H là có cơ sở nên không có căn cứ để huỷ án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[6] Về án phí. Ông Hoà và bà Tuý là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền giao cho chị H là 2.162.7000 đồng. Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền 7.920.000 đồng là 396.000 đồng. Chị H phải chịu án phí đối với khoản tiền không được chấp nhận 59.917.300 đồng là 2.995.000 đồng. Chị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 148, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 164, 688, 689, 692 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 5, 74, 75, 77, 88, 131, 188 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh Nghệ An.

1. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Thanh H và bà Cao Thị T giao lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền đền bù hoa màu là 2.162.700 đồng (hai triệu, một trăm

sáu mươi hai ngàn, bảy trăm đồng). Chị Nguyễn Thị H được nhận số tiền 2.162.700 đồng do ông Ngô Thanh H và bà Cao Thị T giao lại.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, buộc anh Ngô Văn M phải trích chia cho chị Nguyễn Thị H số tiền 7.920.000 đồng (bảy triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng), là tiền hỗ trợ ổn định đời sống trong số tiền bồi thường do thu hồi đất nông nghiệp đối với 02 thửa đất nông nghiệp số 425 và 428 tại xóm Nam Phúc Long (nay là xóm Phúc Long), xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hành án của người được thi Hành án cho đến khi thi Hành án xong, bên phải thi Hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án quyết định được thi Hành theo quy định tại điều 2 Luật thi Hành dân sự, thì người được thi Hành án, người phải thi Hành án có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án, hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại điều các 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh Ngô Văn M phải chịu 396.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị H phải chịu 2.995.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 1.700.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu tiền số 0002173 ngày 11/3/2021 và số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003820 ngày 15/10/2021 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Chị H phải nộp tiếp 995.000 đồng án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu T

